

TÁC ĐỘNG CỦA XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2000 - 2011

Th.s Nguyễn Thị Thu Thủy

Email: thuyntt-fem@mail.hut.edu.vn

GS.TS Hoàng Đức Thân

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hoangducthan@neu.edu.vn

Với quy mô và tốc độ tăng trưởng liên tục đạt được ở mức cao trong những năm qua, xuất khẩu hàng hóa được đánh giá là một trong những trụ cột của tăng trưởng kinh tế. Thông qua cách tiếp cận cả từ phía cung và phía cầu nhằm nhận diện tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế, bài viết chỉ ra rằng trong khi quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa đạt được những thành tích ngoạn mục thì đóng góp của chất lượng xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế còn những hạn chế nhất định. Để đảm bảo xuất khẩu hàng hóa vẫn tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng trong những năm tới cần có sự dịch chuyển căn bản về mặt chất của xuất khẩu hàng hóa, hướng đến một cơ cấu xuất khẩu “tối ưu” thay vì “tối đa” như hiện nay.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu hàng hóa.

1. Giới thiệu nghiên cứu

Chiến lược Phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2011-2020 của Việt Nam tiếp tục khẳng định định hướng nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu. Về trung và dài hạn, xuất khẩu sẽ tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế hướng về xuất khẩu cũng bộc lộ một số hạn chế, có khả năng ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế bền vững. Do đó, để xuất khẩu luôn giữ vai trò động lực tăng trưởng kinh tế, việc đánh giá lại tác động của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế có tầm quan trọng trong việc định hướng chính sách những năm tới.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Để đánh giá tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế có thể sử dụng cách tiếp cận từ phía cung hoặc phía cầu.

Theo cách tiếp cận từ phía cầu: Xuất khẩu là một bộ phận cấu thành của tổng cầu, do đó kim ngạch xuất khẩu càng lớn, tổng cầu hay GDP càng lớn. Tổng sản lượng của một nước trong nền kinh tế mở được phân chia theo thành phần chi tiêu gồm chi tiêu dùng (C), đầu tư (I), chi tiêu chính phủ (G) và xuất khẩu ròng (EX-IM):

$$Y=C+I+G+EX-IM$$

Theo cách tiếp cận từ phía cung hay theo các nhân tố đầu vào, năm 1956, Solow đã chỉ ra rằng sản lượng là một hàm của vốn (K), lao động (L) và tổng năng suất nhân tố (TFP). Hàm sản xuất có dạng: $Y=F(K,L,TFP)$ trong đó Y là thu nhập của nền

kinh tế (GDP). Xuất khẩu hàng hóa tác động đến các nhân tố của tăng trưởng kinh tế theo cách tiếp cận này.

2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Xuất khẩu hàng hóa có tác động như thế nào tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam? Xuất khẩu hàng hóa có tác động tích cực đáng kể tới: (i) tích lũy vốn vật chất cho nền kinh tế; (ii) vấn đề tạo việc làm và chất lượng lao động; (iii) tổng năng suất nhân tố?

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này, chủ yếu sử dụng các số liệu thứ cấp, cụ thể: (i) nghiên cứu các tư liệu, tài liệu liên quan đến xuất khẩu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế, đặc biệt chú trọng tới các kết quả điều tra do Tổng cục Thống kê và Bộ Công thương công bố; (ii) kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó thông qua các đề tài, đề án và bài báo khoa học liên quan đến xuất khẩu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, để tìm lời giải đáp cho câu hỏi nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp mô tả, thống kê. Phương pháp so sánh, đối chứng được sử dụng nhằm làm nổi bật tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế qua các thời kỳ và trong mối tương quan với khu vực phi xuất khẩu để từ đó đưa ra đánh giá và kết luận về tác động thực sự của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế.

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1: Cấu trúc tăng trưởng theo chi tiêu

Đơn vị: %

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Đóng góp vào tăng trưởng GDP theo điểm phần trăm	6,89	7,08	7,34	7,79	8,44	8,23	8,46	6,31	5,32	6,78	5,89
Tổng tích lũy tài sản	3,29	4,02	3,95	3,66	3,97	4,31	10,10	2,77	1,90	4,54	-4,14
Tiêu dùng cuối cùng	3,42	5,33	5,72	5,18	5,29	5,96	7,58	6,68	2,64	7,50	3,53
Xuất nhập khẩu ròng	0,02	-3,25	-3,81	0,22	3,02	-0,76	12,63	-0,31	4,30	-0,62	5,81
Xuất khẩu	3,34	6,20	6,85	11,56	9,13	10,62	9,79	5,95	-5,99	14,49	14,60
Nhập khẩu	-3,32	-9,45	10,66	11,34	-6,11	-11,38	22,42	-6,26	-10,29	15,11	-8,79
Sai số	0,16	0,98	1,48	-1,27	-3,83	-1,29	3,41	-2,82	-3,52	-4,64	0,68

Nguồn: Tính toán từ nguồn TCTK

3.1. Tiếp cận từ phía cầu: Cơ cấu tăng trưởng theo chi tiêu

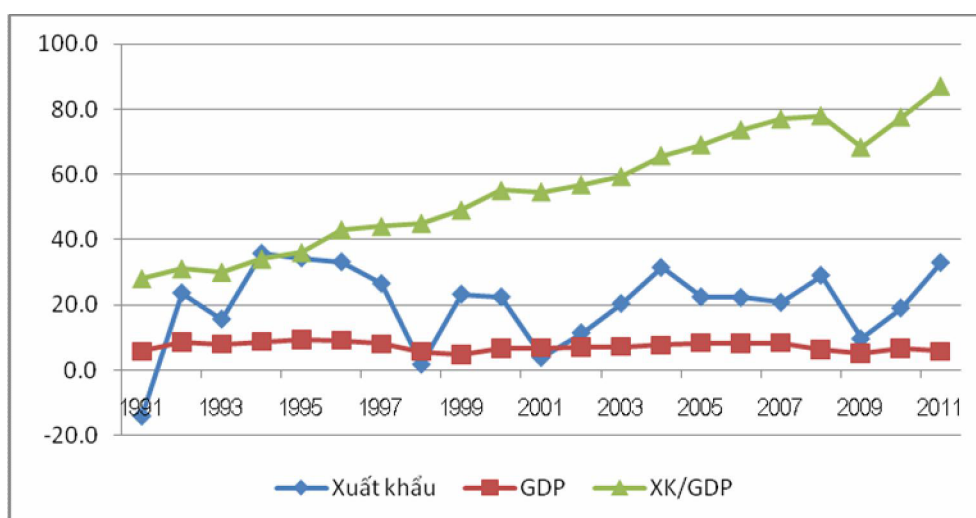
Xuất khẩu ngày càng đóng vai trò tích cực cho tăng trưởng kinh tế. Sự gia tăng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và có xu hướng cao hơn tốc độ tăng trưởng nhập khẩu. Kim ngạch xuất khẩu luôn đạt tốc độ tăng trưởng 2 con số (trừ năm 2008 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu), cao hơn 2-3 lần tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm, riêng năm 2011 tăng gấp hơn 5 lần. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đã cao hơn so với tốc độ tăng trưởng nhập khẩu. Mặc dù xuất khẩu ròng vẫn ở mức âm nhưng có xu hướng giảm trong những năm gần đây chính là nhờ có sự tăng lên liên tục của xuất khẩu. Rõ ràng, tăng trưởng GDP ở mức khá cao, bình quân đạt trên 7,1% hàng năm giai đoạn 2001-2011 có phần đóng góp to lớn của xuất khẩu hàng hóa.

3.2. Tiếp cận từ phía cung: Tác động của xuất khẩu tới các nhân tố tăng trưởng

Thứ nhất, tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tích lũy vốn vật chất

Xuất khẩu hàng hóa có tác động tích cực đáng kể tới tích lũy vốn vật chất cho nền kinh tế thể hiện ở quy mô, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu và tỷ trọng xuất khẩu/GDP. Trong 10 năm trở lại đây, xuất khẩu

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, GDP, tỷ trọng xuất khẩu/GDP (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

hàng hóa đã đem lại nguồn vốn không nhỏ cho nền kinh tế, tỷ lệ xuất khẩu/GDP luôn chiếm trên 50% và tỷ lệ này liên tục tăng qua các năm. Thu nhập từ xuất khẩu được đầu tư trở lại cho nhập khẩu máy móc thiết bị, phát triển cơ sở hạ tầng, tạo tiền đề vật chất cho phát triển kinh tế. Đứng ở góc độ doanh nghiệp để so sánh, số liệu điều tra cho thấy giá trị tài sản trung bình của một doanh nghiệp xuất khẩu khá cao, gấp từ 1,5 lần đến gần 5 lần so với doanh nghiệp trong ngành và có xu hướng tăng dần so với các năm trước.

Tuy nhiên, giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu còn rất hạn chế làm ảnh hưởng đến đóng góp thật sự của xuất khẩu tới tích lũy vốn cho tăng trưởng kinh tế. Xuất khẩu các mặt hàng thô và sơ chế, mặt hàng nông lâm thủy sản, mặt hàng thâm dụng tài nguyên chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, ở mức gần 50% trong giai đoạn 2001–2011 trong đó dầu thô chiếm xấp xỉ 20% tổng kim ngạch xuất khẩu. Hàng chế biến tập trung vào những công đoạn mang lại giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị, chủ yếu nằm ở tiền gia công, sử dụng lao động ở mức rẻ nhất trong khu vực.

Thêm vào đó, các ngành chế biến xuất khẩu lại phụ thuộc lớn vào việc nhập khẩu nguyên liệu thô và các đầu vào qua trung gian góp phần làm cho bài toán giá trị gia tăng càng thêm nan giải. Ví dụ, để có được 14,04 tỷ USD kim ngạch hàng dệt may, các

doanh nghiệp phải nhập 1,53 tỷ USD xơ, sợi dệt; 6,73 tỷ USD vải các loại và một phần trong số 2,94 tỷ USD nguyên phụ liệu dệt may, da giày chưa kể tới nhập khẩu máy móc, thiết bị. Ước tính trong 2 ngành giày da và may mặc xuất khẩu, gần 70-80% nguyên liệu, phụ liệu có được từ nguồn nhập khẩu. Tương tự, ngành chế biến gỗ, kim ngạch xuất khẩu đạt 2,5-3 tỷ USD/năm với chỉ số tăng trưởng 30-35%/năm, nhưng hơn 2/3 là nguyên liệu nhập khẩu. Sự phụ thuộc vào nguyên phụ liệu cho sản xuất xuất khẩu là thực tế đã tồn tại trong nhiều năm. Tuy nhiên, vấn đề là trong suốt giai đoạn vừa qua, mô hình xuất khẩu dựa vào đầu vào nhập khẩu vẫn không thay đổi, ngành sản xuất nguyên phụ liệu không phát triển và sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước vẫn không đáp ứng yêu cầu chất lượng cho sản xuất xuất khẩu.

Thứ hai, tác động của xuất khẩu hàng hóa tới việc làm và chất lượng lao động

Tạo việc làm cho người lao động có thể coi là một trong những khía cạnh nổi bật thể hiện đóng góp tích cực của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế trong những năm qua. Xuất khẩu đã góp phần tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho hàng triệu lao động ở các lĩnh vực xuất khẩu khác nhau. Báo cáo “Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu” do CIEM công bố, các doanh nghiệp xuất khẩu đã tạo được nhiều việc làm hơn so với doanh nghiệp

Bảng 2: So sánh trình độ lao động trong một số ngành xuất khẩu chủ lực với trình độ lao động chung của cả nước

Đơn vị: %

	Dệt may		Thủy sản		Điện tử		Cả nước	
	2007	2010	2007	2009	2007	2010	2007	2010
Lao động chưa qua đào tạo	22,0	20,0	37,2	32,8	40,6	38,5	82,3	85,3
Lao động được đào tạo ngắn hạn	41,0	40,0	56,0	57,6	34,1	33,6		
Lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật	20,0	22,0	18,5	22,3	14,0	15,9	10,9	7,3
Lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên	7,0	8,0	7,0	11,2	11,3	11,9	6,8	7,4

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ điều tra của CIEM và Tổng cục Thống kê

không xuất khẩu cùng ngành. Cụ thể, trung bình một doanh nghiệp xuất khẩu may mặc tạo ra số lượng việc làm cao gấp 3,5 lần so với doanh nghiệp không xuất khẩu, ngành thủy sản cao gấp 2,4 lần và điện tử gấp 3 lần. Sau năm suy thoái kinh tế 2008 đến nay, trong khi xu hướng giảm lao động vẫn đang tiếp tục ở hầu hết các doanh nghiệp không xuất khẩu thì số lao động ở các doanh nghiệp xuất khẩu vẫn duy trì và đang tăng trở lại. Điều đáng mừng hơn nữa là số lượng việc làm được tạo ra của các doanh nghiệp xuất khẩu có xu hướng biến thiên cùng chiều với mức độ xuất khẩu của doanh nghiệp khi những doanh nghiệp có mức độ xuất khẩu cao và xuất khẩu hoàn toàn có quy mô lao động bình quân cao gấp 1,5 lần quy mô lao động ở nhóm doanh nghiệp xuất khẩu thấp hoặc trung bình.

Chất lượng lao động trong khu vực xuất khẩu cho thấy dấu hiệu tích cực trong quan hệ so sánh với khu vực phi xuất khẩu và mặt bằng chung của cả nước thể hiện ở 2 khía cạnh: (1) tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học và lao động được đào tạo chuyên môn kỹ thuật cao hơn so với mặt bằng chung của nền kinh tế và có xu hướng tăng dần; (2) trình độ của cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp.

Tỷ trọng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật trong các ngành xuất khẩu cao hơn so với mức trung bình của các ngành. Số liệu điều tra cho thấy, trong khi lực lượng chuyên viên kỹ thuật tính chung cho các doanh nghiệp giảm 3,6 phần trăm thì lực

lượng này ở các doanh nghiệp xuất khẩu đạt ở mức tương đối cao. Trình độ của cán bộ lãnh đạo cũng cho thấy những tín hiệu khả quan, tuyệt đại đa số lãnh đạo doanh nghiệp (89%) có trình độ đại học và trên đại học. Lực lượng này chắc chắn sẽ là lao động có trình độ để tiếp thu những kiến thức và công nghệ mới, đóng góp tích cực và bền vững cho sự phát triển của các doanh nghiệp xuất khẩu trong dài hạn, rộng hơn là cho các ngành và sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Hạn chế lớn nhất của lao động ở khu vực xuất khẩu có lẽ là sự khó khăn trong việc tìm kiếm lao động có kỹ năng và ngay cả trong trường hợp có được lực lượng đã qua đào tạo thì chất lượng và khả năng đáp ứng công việc còn hạn chế. Các ngành dệt may, da giày, chế biến lương thực và thực phẩm đạt tốc độ tăng trưởng cao nhưng những ngành này phần nhiều sử dụng lao động phổ thông từ nông thôn, thường chỉ được học nghề tại chỗ một thời gian ngắn trong nhà máy. Mặc dù vậy, trong tình trạng “thiếu kếp” đang diễn ra ở hầu hết doanh nghiệp Việt Nam hiện nay thì chất lượng lao động trong khu vực xuất khẩu cũng là điều đáng khích lệ.

Thứ ba, tác động của xuất khẩu hàng hóa tới Tổng năng suất nhân tố

Hàm lượng công nghệ trong sản phẩm xuất khẩu: Hiện nay, làm sao để tăng giá trị gia tăng và mức độ phức tạp về công nghệ của các sản phẩm chế tác xuất khẩu đang là thách thức thực sự đối với Việt

Bảng 3: Hàm lượng công nghệ của các sản phẩm chế biến xuất khẩu 2000 -2010*Đơn vị: %*

Nước	2000 – 2005			2006 – 2010		
	Công nghệ cao	Công nghệ vừa	Công nghệ thấp	Công nghệ cao	Công nghệ vừa	Công nghệ thấp
Cam-pu-chia	0,1	1,2	93,0	0,1	1,8	96,7
Trung Quốc	21,2	24,3	45,4	29,9	28,3	33,3
Hồng Kông	25,8	11,3	58,5	20,5	17,9	47,1
Indônêxia	14,9	19,6	31,9	6,4	23,3	22,7
Hàn Quốc	35,1	35,3	17,9	28,	44,3	11,6
Malaixia	55,2	21,4	9,8	34,	24,0	13,0
Phi-lip-pin	69,0	12,4	11,9	62,1	15,5	8,1
Xingapo	59,4	20,9	6,9	44,8	22,0	6,7
Đài Loan	43,2	28,2	24,3	35,8	32,5	18,5
Thái Lan	32,4	27,2	21,9	22,7	37,7	16,1
Việt Nam	11,1	10,3	64,7	10,1	14,5	67,1

Nguồn: Kinh tế Việt Nam 2010

Nam. Tỷ trọng của các sản phẩm công nghệ vừa và cao trong tổng giá trị gia tăng của các mặt hàng chế tác xuất khẩu chỉ ở mức trên 20%, gần thấp nhất trong khu vực và không thay đổi qua những năm gần đây.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới và chuyển giao công nghệ trong khu vực xuất khẩu hàng hóa. Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đã bước đầu quan tâm đến vấn đề đổi mới công nghệ. Trong những năm gần đây, tỷ trọng các doanh nghiệp đầu tư cho công nghệ mới có xu hướng tăng lên. Trong giai đoạn 2007-2009, hơn 56% số doanh nghiệp có đầu tư đổi mới thiết bị sản xuất, trong đó gần 80% các doanh nghiệp đầu tư mới, 37% số doanh nghiệp được khảo sát đã có các hoạt động thu thập thông tin công nghệ mới và triển khai nghiên cứu đổi mới công nghệ.

Mặc dù vậy, sự quan tâm đó dường như chưa đủ lớn khi chi phí đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển chỉ ở mức trung bình 8,4% doanh thu, chi phí đầu tư cho công nghệ mới trung bình 8% doanh thu. Điều đáng nói là mức độ đầu tư cho công nghệ mới lại càng hạn chế hơn ở các doanh nghiệp có mức xuất khẩu cao và xuất khẩu hoàn toàn, trong khi nhóm doanh nghiệp này lại chiếm tới 70% tổng

số các doanh nghiệp xuất khẩu. Điều này có ảnh hưởng lớn đến quy mô và chất lượng hàng hóa xuất khẩu trong dài hạn mà hàm lượng công nghệ thấp của hàng hóa xuất khẩu và trình độ công nghệ của các doanh nghiệp xuất khẩu thấp chính là lý do hạn chế hiệu quả tăng trưởng và tốc độ tăng giá trị gia tăng. Lao động Việt Nam vẫn được đánh giá cao về kỹ năng và tính sáng tạo cũng như khả năng tiếp thu công nghệ mới thì thực tế này cũng ít nhiều đáng suy ngẫm.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu đặt ra đã phân nào được giải quyết:

Xuất khẩu hàng hóa tác động tích cực tới tích lũy vốn vật chất cho nền kinh tế là đúng bởi vì thu nhập từ xuất khẩu hàng hóa là một trong những nguồn quan trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho phát triển kinh tế. Mặc dù mức độ tác động này bị hạn chế do giá trị gia tăng thực sự của hàng xuất khẩu nhưng với những nước đang phát triển trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa như Việt Nam thì thu nhập từ xuất khẩu là một nguồn quan trọng và ý nghĩa đối với tăng trưởng kinh tế.

Xuất khẩu hàng hóa có tác động tích cực và rõ nét

tới tạo việc làm và chất lượng lao động là hoàn toàn đúng. Đây có lẽ là một trong những đóng góp quan trọng nhất của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt khi đặt nó trong mối quan hệ so sánh với khu vực phi xuất khẩu.

Xuất khẩu hàng hóa có tác động tích cực đáng kể tới tổng năng suất nhân tố chưa hoàn toàn đúng bởi lẽ: (i) đúng là xuất khẩu hàng hóa có tác động tích cực tới vấn đề nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ nhưng tác động này còn chưa thực sự rõ nét; (ii) tỷ trọng mặt hàng chế biến xuất khẩu cũng như hàm lượng công nghệ và kỹ năng trong sản phẩm chế biến còn chậm dịch chuyển theo hướng tích cực.

Qua phân tích tác động của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế có thể khẳng định rằng mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng xuất khẩu hàng hóa có thể coi là một trong những động lực của tăng trưởng kinh tế những năm qua, góp phần quan trọng đưa Việt Nam từ nước thu nhập thấp lên một ngưỡng mới với mức thu nhập trung bình. Tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận thực tế rằng xuất khẩu hàng hóa mới phát triển theo chiều rộng hơn là chiều sâu, chỉ phù hợp với những nước đang phát triển trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, khi trình độ lao động và công nghệ còn hạn chế. Song, nếu duy trì tình trạng này quá lâu thì xuất khẩu khó duy trì được vai trò chìa khóa của tăng trưởng. Bởi vậy, trong những năm tới, xuất khẩu hàng hóa cần phải đạt được những chuyển đổi căn bản về mặt chất, tăng trưởng

bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô xuất khẩu, vừa chú trọng nâng cao giá trị gia tăng, xuất khẩu cần hướng đến một cơ cấu xuất khẩu “tối ưu” thay vì “tối đa” như hiện nay.

4.2. Khuyến nghị

Thứ nhất, chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng các mặt hàng công nghiệp chế biến, nâng cao hàm lượng kỹ năng, hàm lượng công nghệ và chất xám trong sản phẩm xuất khẩu. Nhà nước cần có chính sách chủ động tạo ra các mặt hàng xuất khẩu có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh thay vì chủ yếu xuất khẩu những mặt hàng dựa trên lợi thế so sánh sẵn có như hiện nay.

Thứ hai, Nhà nước cần có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) vào những lĩnh vực nằm trong định hướng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu vì xuất khẩu của khu vực FDI hiện chiếm tỷ trọng gần 50% kim ngạch xuất khẩu và đây được kỳ vọng là kênh chuyển giao, lan tỏa kiến thức công nghệ quan trọng và hiệu quả.

Thứ ba, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý và tăng cường chính sách hỗ trợ, khuyến khích nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu.

Thứ tư, cần có chiến lược phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu cũng như phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ vì đây vẫn là một mắt xích yếu làm hạn chế quy mô và chất lượng của xuất khẩu hàng hóa Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công Thương (2011), “Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 – 2020, định hướng đến năm 2030”.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê (2008), “Kết quả điều tra Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ của Việt Nam.
3. CIEM (2011), “Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trong ba ngành may mặc, thủy sản và điện tử ở Việt Nam”.
4. Đại học Kinh tế quốc dân (2011), “Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế.
5. Nguyễn Thị Nhiều (2008), “Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản số 19 (163), năm 2008.
6. Nguyễn Kế Tuấn (2011), “Kinh tế Việt Nam năm 2010: Nhìn lại mô hình tăng trưởng Việt Nam giai đoạn 2001-2010”, NXB Đại học KTQD.